

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HS-ST

Ngày 26/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vừ Thị Sùng.

2. Bà Trần Thị Huyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2019/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 46/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **T T D** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1984.

Nơi sinh: huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản L T 1, xã H M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: làm ruộng, nương; Trình độ văn hóa: Không.

Dân tộc: Mông; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam.

Con ông: T A G - Sinh năm: 1958 và bà: H T C - Sinh năm: 1960.

Chồng: G A K, Sinh năm: 1975 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2007 con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án; Tiền sự: không. Nhân thân: không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25/9/2019 cho đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo T T D: Ông Phùng Việt Hoa - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

* Người bị hại: Bà V T D - Sinh năm: 1930 - Vắng mặt có lý do.

Trú tại: Bản L T 1, xã H M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà H T C Sinh năm: 1960 - Vắng mặt không có lý do.

Trú tại: Bản Đ D H 2, xã S P, huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

- G A K - Sinh năm: 1975 - Vắng mặt có lý do.

Trú tại: Bản L T 1, xã H M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2019, T T D sang nhà bà V T D (là mẹ chồng D) để bảo bà D đi họp bản. Khi sang nhà bà D thì D thấy có một chiếc hòm gỗ để trên giường gần cửa ra vào đang mở nắp, bên trong có 01 chiếc ví dạng túi vải để đựng tiền, D cũng biết bà D mới lấy tiền từ đền bù đất nên D đã nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên của bà D, nhưng D không lấy ngay mà D đi về nhà. Khi thấy bà D đi họp thì D sang nhà bà D mở cửa vào nhà, D thấy hòm đã khóa nên lấy 01 con dao phát ở nhà bà D để cạy khóa của chiếc hòm, làm cho bản lề của ổ khóa bật ra, D lấy toàn bộ số tiền có trong ví rồi để chiếc ví vào hòm ở vị trí cũ và đập nắp hòm lại. Khi về nhà D đếm số tiền trộm cắp được 19.900.000 đồng và cất giấu dưới đệm chỗ giường ngủ. Khoảng 1 tuần sau thì D cùng chồng là G A K đến thăm bố mẹ của D ở huyện Tủa Chùa, khi đi D cầm theo toàn bộ số tiền trộm cắp được đến nhà mẹ đẻ H T C, D nói với bà Chứ là D mới nhặt được một ít tiền nên nhờ bà Chứ giữ hộ, D cùng bà Chứ đếm lại số tiền là 19.900.000 đồng. Một ngày sau thì D bảo bà Chứ đưa cho D 1.000.000 đồng; khoảng 1 tuần sau thì D lại lấy thêm 2.400.000 đồng. Số tiền còn lại là 16.500.000 đồng bà Chứ vẫn giữ cho D. Sau khi hành vi của D bị phát hiện thì ngày 23/9/2019, bà Chứ đã giao nộp 16.500.000 đồng cho Cơ quan CSĐT, số tiền 3.400.000 đồng D đã chi tiêu, còn lại 750.000 đồng D đã giao nộp lại.

Lời khai của bị cáo T T D phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Như vậy, tổng số tiền bị cáo T T D đã trộm cắp là 19.900.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKS-MC ngày 07 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên truy tố T T D về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo D về cả tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T T D từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự, vì bị cáo không có khả năng thi hành.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại V T D cho rằng bị cáo đã trộm cắp của bà 20.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 2.750.000 đồng, bị cáo T T D đã bồi thường đủ số tiền trên.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 chiếc ví và 01 con dao phát có chiều dài 92 cm, chiều dài cán gỗ là 85 cm, lưỡi dao dài 33 cm; phần lưỡi dao rộng nhất 0,5 cm là vật không còn giá trị sử dụng và vật liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân số 04068192, 01 quyết định về trợ cấp xã hội mang tên T T D không liên quan đến việc phạm tội ngày 11/10/2019 Công an huyện Mường Chà đã quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bị cáo T T D.

Đối với số tiền 17.250.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà đã trả lại cho chủ sở hữu bà V T D.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, p, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mức hình phạt mà Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T T D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Ngày 03/8/2019, tại nhà bà V T D ở bản L T 1, xã H M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, T T D đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 19.900.000 đồng của bà V T D. Sau khi trộm cắp được bị cáo đem cất giấu không cho ai biết, mục đích bị cáo trộm cắp là để chi tiêu cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp với nội D Cáo trạng, lời khai của người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội trộm cắp tài sản là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan sai. Căn cứ vào hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, hành vi của bị cáo T T D đã đủ yếu tố cấu thành tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

1. "Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy diễn ra đơn giản, không có đồng phạm và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Tại phiên tòa bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì để có tiền

tiêu xài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Việc làm của bị cáo đáng bị xã hội lên án và cần bị xử lý nghiêm minh. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vậy bị cáo sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo sinh ra được gia đình nuôi dưỡng, không đi học ở nhà lao động sản xuất cùng với gia đình. Ngày 03/8/2019 bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình, đây cũng là bài học cảnh tỉnh chung cho tất cả mọi người phải biết sống lao động trong khuôn khổ của pháp luật nếu không sẽ phải chịu hậu quả như bị cáo ngày hôm nay. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo là người khuyết tật đặc biệt nặng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tính tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét hành vi, tính chất mức độ, nhân thân của bị cáo, cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước; bản thân chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng theo Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo tự sửa chữa theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có cơ sở theo đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại biên bản xác minh về tài sản của bị cáo do Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Chà xác lập, gia đình bị cáo kinh tế rất khó khăn không có tài sản gì đáng giá. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà V T D đã nhận tài sản (tiền) và bị cáo đã bồi thường cho bị hại đủ số tiền như bị hại yêu cầu. Nay người bị hại không có yêu cầu gì thêm. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

01 chiếc ví và 01 con dao phát có chiều dài 92 cm, chiều dài cán gỗ là dài 85 cm, lưỡi dao dài 33 cm; phần lưỡi dao rộng nhất 0,5 cm là vật không còn giá trị sử dụng và vật liên quan đến việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chứng minh thư nhân dân số 04068192, 01 quyết định về trợ cấp xã hội mang tên T T D không liên quan đến việc phạm tội ngày 11/10/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo T T D là đúng quy định pháp luật.

Đối với số tiền 17.250.000 đồng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Chà đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho chủ sở hữu bà V T D là đúng quy định pháp luật.

[7] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, p, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội 14 miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị. Những đề nghị của người bào chữa là có cơ sở chấp nhận.

[8] **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí HSST cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[9] **Về thủ tục tố tụng:** Về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Chà và của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà từ lúc khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T T D phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo T T D 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Với thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 26/11/2019. Giao bị cáo cho UBND xã H M, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên giám sát giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã H M trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy một phong bì cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Chà mặt trước phong bì có ghi: Chiếc ví thu tại vị trí số 1 và 01 con dao phát có chiều dài 92 cm, chiếc dùi cán gỗ là dài 85 cm, lưỡi dao dài 33 cm; phần lưỡi dao rộng nhất 0,5 cm.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 26/11/2019. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- Đội điều tra CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GDKT TA tỉnh DB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- Người bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND xã H M thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình

